

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Số: 316 /2025/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Thanh Hóa, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Hoa.

Thư ký phiên họp: Bà Lại Thị Minh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 393/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc “ *Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp*” theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm số 11/2025/QĐPH – ST ngày 11/6/2024 , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Bùi Văn H, sinh 14/4/1975

2. Chị Lê Thị N, sinh 05/9/1975

Cùng thường trú: Số nhà A L, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình Q – Chủ tịch phường

Địa chỉ: Số nhà A L, phường Q, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Q1 – P. Chủ tịch UBND

Tại phiên họp có mặt người yêu cầu là anh Bùi Văn H, chị Lê Thị N; vắng mặt đại diện của UBND phường Q, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Theo đơn yêu cầu, Bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án người yêu cầu chị anh anh Bùi Văn H, chị Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H, chị Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 06/3/1993. Sau khi kết hôn, anh chị chung

sống hòa thuận hạnh phúc và sinh được 02 con, cháu Bùi Thị T 02/01/1994; Bùi Văn N1, sinh ngày 23/10/1995.

Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh chị kê khai: Anh Bùi Văn H, sinh ngày 14/4/1973 và chị Lê Thị N, sinh 05/9/1974 nên UBND phường Q căn cứ vào Bản kê khai của anh chị để làm Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 06/3/1993 cho anh Bùi Văn H và chị Lê Thị N. Khi làm đăng ký kết hôn thì anh H chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1986.

Do tại thời điểm đăng ký kết hôn anh H chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên anh chị đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân của anh Bùi Văn H và chị Lê Thị N là hợp pháp.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của UBND phường Q trình bày:

Ngày 06/3/1993 UBND xã Q (nay là UBND phường Q) thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký kết hôn của anh Bùi Văn H, sinh ngày 14/4/1973 và chị Lê Thị N, sinh ngày 05/9/1974. Sau khi kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn mà các bên cung cấp và Bản kê khai của anh H và chị N. Xét thấy các bên đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 nên UBND phường Q, thành phố T đăng ký và cấp kết hôn cho anh H và chị N theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57 ngày 06/3/1993.

Nay anh H và chị N có đơn đề nghị hủy hôn nhân trái pháp luật. Như vậy đăng ký kết hôn của anh H và chị N có gian dối trong việc kê khai tờ khai để đăng ký kết hôn dẫn đến có vi phạm pháp luật về độ tuổi khi đăng ký kết hôn. Vì vậy UBND phường Q đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của Pháp luật để giải quyết.

Tại phiên họp anh H và chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 06/3/1993 của UBND phường Q và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị là hợp pháp.

Quan điểm của đại diện VKS về giải quyết việc dân sự:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký giải quyết việc dân sự và người yêu cầu, người liên quan đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung yêu cầu: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm anh H 20 tuổi.

Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch Số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 để chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N và anh Bùi Văn H.

Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Người yêu cầu phải nộp lệ phí theo khoản 1 Điều 37 NQ/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được kiểm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/3/1993 anh Bùi Văn H và chị Lê Thị N đến UBND phường Q, thành phố T thực hiện việc đăng ký kết hôn, anh Bùi Văn H và chị Lê Thị N đều có hộ khẩu tại UBND phường Q, nhưng anh Bùi Văn H chưa đủ tuổi theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Do đó anh chị làm đơn yêu cầu hủy việc hôn nhân trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh chị, nên Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện theo pháp luật của UBND phường Q, thành phố T có đơn vắng mặt tại phiên họp, nên căn cứ khoản 3 Điều 367 BLTTDS tòa án giải quyết vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung yêu cầu: Anh Bùi Văn H, sinh ngày 14/4/1975; chị Lê Thị N, sinh 05/9/1975 có quan hệ yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân. Ngày 06/3/1993 anh chị đến UBND phường Q, thành phố T làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do tại thời điểm anh H chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên anh chị đã khai anh Bùi Văn H, sinh ngày 14/4/1973(sai với năm thật); chị Lê Thị N sinh 05/9/1974 (chị N đã sang tuổi 18) và đã được UBND phường Q, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 06/3/1993.

Theo Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 quy định về điều kiện kết hôn, trong đó độ tuổi kết hôn là “ nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên. Như vậy, tại thời điểm anh H và chị N đi đăng ký kết hôn thì anh H mới 17 tuổi 10 tháng 20 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn, đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Việc kết hôn trái pháp luật là do lỗi của anh H và chị N khi đi đăng ký kết hôn đã khai báo tuổi không đúng nên UBND phường Q mới làm thủ tục và cấp Giấy kết hôn cho anh chị.

Nay anh H và chị N yêu cầu Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp là có căn cứ theo quy định tại các Điều 369, Điều 370 của bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 và Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Tuy nhiên sau khi kết hôn anh H và chị N chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ việc anh chị đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp cho anh chị, kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại Điều 5 Điều 6 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điểm a khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó cần hủy việc kết hôn trái Pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh Bùi

Văn H và chị Lê Thị N kể từ thời điểm anh H từ 20 tuổi trở lên chị N từ 18 tuổi trở lên đủ điều kiện kết hôn là phù hợp với quy định của Pháp luật.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh H và chị N phải nộp tiền lệ phí sơ thẩm theo Điều 37 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371 BLTTDS. Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điểm a khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Văn H và chị Lê Thị N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 06/3/1993 do Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T cấp ngày 06/3/1993.

- Công nhận hôn nhân của anh Bùi Văn H, sinh ngày 14/4/1975 và chị Lê Thị N, sinh ngày 05/9/1975 hợp pháp từ ngày 15 tháng 4 năm 1995.

Về lệ phí: Anh H và chị N phải nộp 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp 300.000đ theo bên lai thu số 0007070 ngày 02/6/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa

Người yêu cầu có quyền kháng cáo Quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) quyết định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND P. Quảng Thắng, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Lê Thị Hoa